

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC BIỆN PHÁP TÍCH CỰC HÓA ĐỘNG CƠ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Đức Doanh⁽¹⁾; Ngô Thị Thanh Xuân⁽¹⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 12/03/2026

Ngày phản biện: 21/04/2026

Ngày đăng: 28/05/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Đức Doanh

Email: nguyendoanhduc2010@gmail.com

Tập 3, số 3 (2026), trang 113-116

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14080>

Bản quyền © 2026. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Bằng phương pháp thực nghiệm sư phạm, bài báo đã đánh giá hiệu quả các biện pháp sư phạm tác động lên động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục thể chất (GDTC), Trường Đại học TDTT Bắc Ninh gồm: trang bị tri thức về động cơ học tập; trò chuyện – tham vấn tâm lý; thảo luận nhóm chuyên đề và giải quyết các tình huống học tập, nghề nghiệp. Kết quả cho thấy, sau thực nghiệm, động cơ học tập của sinh viên có xu hướng tăng lên, bước đầu minh chứng cho hiệu quả của các biện pháp đã tác động.

Từ khóa: Động cơ học tập, biện pháp, tích cực hóa, sinh viên, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh.

Assessment of the effectiveness of measures to activate learning motivation among students at Bac Ninh Sports University

Nguyen Duc Doanh⁽¹⁾; Ngo Thi Thanh Xuan⁽¹⁾

Article Information:

Received: 12/03/2026

Review date: 21/04/2026

Published: 28/05/2026

Corresponding Author:

Nguyen Duc Doanh

Email: nguyendoanhduc2010@gmail.com

Vol.3, Issue 3 (2026), pp 113-116

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes14080>

Copyright © 2026. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Abstract:

Using a pedagogical experiment, this article assessed the effectiveness of pedagogical measures designed to influence the learning motivation of students majoring in Physical Education at Bac Ninh Sports University. The measures included providing knowledge about learning motivation, psychological conversation and counseling, thematic group discussions, and the resolution of learning and career-related situations. The results showed that, after the experiment, students' learning motivation tended to increase, initially demonstrating the effectiveness of the applied measures.

Keywords: Learning motivation, measures, activation, students, Bac Ninh Sports University.

⁽¹⁾ThS Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đại học, việc nâng cao chất lượng đào tạo không chỉ phụ thuộc vào chương trình, đội ngũ giảng viên hay điều kiện cơ sở vật chất, mà còn chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố thuộc về người học. Trong đó, động cơ học tập giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là yếu tố thúc đẩy sinh viên chủ động tham gia vào quá trình chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện kỹ năng, hình thành thái độ nghề nghiệp và phát triển năng lực cá nhân.

Đối với sinh viên ngành GDTC tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, động cơ học tập càng có ý nghĩa quan trọng bởi quá trình đào tạo gắn liền với cả hoạt động học tập lý thuyết, rèn luyện kỹ năng thực hành, phát triển thể lực, kỹ thuật, nghiệp vụ sư phạm và định hướng nghề nghiệp tương lai. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, một bộ phận sinh viên còn biểu hiện động cơ học tập chưa bền vững, thiếu tính tự giác trong học tập, chưa xác định rõ mục tiêu nghề nghiệp, dễ bị chi phối bởi áp lực học tập, rèn luyện, thi đấu, việc làm và các yếu tố xã hội khác. Chính vì vậy, việc lựa chọn và đánh giá hiệu quả của các biện pháp tác động nhằm tích cực hóa động cơ học tập cho sinh viên là vấn đề có tính cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã sử dụng các phương pháp: Phân tích và tổng hợp tài liệu; Phỏng vấn tọa đàm; Thực nghiệm sư phạm và Toán học thống kê

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Tổ chức thực nghiệm

Phương pháp thực nghiệm: So sánh song song
Nghiên cứu được tiến hành trên 64 sinh viên ngành GDTC khóa K55, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Mẫu nghiên cứu được chia thành hai nhóm: nhóm thực nghiệm gồm 32 sinh viên và nhóm đối chứng gồm 32 sinh viên. Hai nhóm có sự tương đồng về độ tuổi, trình độ đào tạo, điều kiện học tập và mức độ biểu hiện động cơ học tập trước thực nghiệm.

Nhóm thực nghiệm được áp dụng hệ thống biện pháp tác động trong thời gian 1 tháng, thông qua các buổi sinh hoạt định kỳ, mỗi tuần 1 buổi sáng (sáng thứ 4) tại giảng đường E. Nội

dung các biện pháp bao gồm: cung cấp tri thức khoa học về động cơ học tập; tổ chức trò chuyện, chia sẻ và tham vấn tâm lý; thảo luận nhóm chuyên đề; giải quyết các bài tập tình huống gắn với học tập, rèn luyện và nghề nghiệp giáo dục thể chất. Trong quá trình tác động, giảng viên vận dụng các kỹ năng tương tác như thiết lập mối quan hệ tin cậy, lắng nghe, thấu cảm, tôn trọng cá nhân và khuyến khích sinh viên tự nhận thức vấn đề của bản thân.

Nhóm đối chứng vẫn học tập và sinh hoạt theo tiến trình thông thường, không chịu tác động của hệ thống biện pháp thực nghiệm. Việc đánh giá được tiến hành ở hai thời điểm: trước và sau thực nghiệm, thông qua phân loại mức độ biểu hiện động cơ học tập của sinh viên.

Thời gian thực nghiệm: Học kỳ I, năm học 2019-2020

Để thực nghiệm thành công chúng tôi đã sử dụng các kỹ năng cơ bản sau:

*** Kỹ năng thiết lập mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên**

Đây là bước đầu giúp chúng tôi tìm hiểu và đánh giá sinh viên chính xác về nhu cầu, nguyện vọng và động cơ, qua đó giúp thiết lập mối quan hệ gần gũi, tiên liệu được những tác động và hiệu quả của những tác động đến SV.

Trong việc sử dụng kỹ năng này, chúng tôi tuân theo nguyên tắc: Chấp nhận đối tượng, cá biệt hóa đối tượng, giúp SV bộc lộ cảm xúc một cách có mục đích và đảm bảo giữ bí mật các thông tin. Đảm bảo tôn trọng, chấp nhận ưu, nhược điểm của sinh viên, có lòng tin ở họ, tin rằng họ có khả năng thay đổi; Không phán xét sinh viên: Không chỉ trích hành vi, suy nghĩ của đối tượng, cần chân thành và không phê phán khi họ mắc sai lầm; Đảm bảo bí mật: Mọi thông tin họ chia sẻ cần kín đáo, không được tiết lộ với người khác khi chưa có sự đồng ý của họ.

*** Kỹ năng lắng nghe:**

Lắng nghe ngoài việc thu thập thông tin còn là công cụ quan trọng trong việc tạo môi trường tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

*** Kỹ năng thấu cảm:**

Nhà thực nghiệm đặt mình vào vị trí của nghiệm viên để cảm nhận suy nghĩ của họ. Thấu cảm của nhà thực nghiệm là cảm nhận cảm xúc, suy nghĩ của SV và phải bết phản hồi bằng ngôn

ngữ hoặc phi ngôn ngữ. Qua đó giúp cho SV cảm nhận được tôn trọng, chia sẻ từ nhà thực nghiệm, có lòng tin với họ.

Có nhiều kỹ năng mà thực nghiệm cần sử dụng, tuy nhiên tùy vào đối tượng và hoàn cảnh mà sử dụng kỹ năng cho phù hợp.

2. Thực trạng động cơ học tập của sinh viên trước thực nghiệm

Trước thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng động cơ học tập của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm qua phỏng vấn. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Bảng 1. Mức độ biểu hiện động cơ học tập của nhóm thực nghiệm và đối chứng trước thực nghiệm

TT	Mức độ biểu hiện ĐCHT	Nhóm thực nghiệm (n = 32)		Nhóm đối chứng (n = 32)	
		m _i	%	m _i	%
1	ĐCHT thấp	4	12.5	5	15.6
2	ĐCHT trung bình	17	53.1	20	62.5
3	ĐCHT cao	8	25	6	18.8
4	ĐCHT rất cao	3	9.4	1	3.1
	Tổng	32	100	32	100
So sánh		$\chi^2 = 0.43$			

Kết quả ở bảng 1 cho thấy, trước khi tiến hành tác động, động cơ học tập của sinh viên ở cả hai nhóm chủ yếu tập trung ở mức trung bình. Cụ thể, nhóm thực nghiệm có 53,1% sinh viên ở mức ĐCHT trung bình, trong khi nhóm đối chứng là 62,5%. Tỷ lệ sinh viên có ĐCHT thấp ở hai nhóm tương đối gần nhau, lần lượt là 12,5% và 15,6%. Kết quả kiểm định χ^2 cho thấy $\chi^2 = 0,43 < \chi^2$ bảng = 7,815, chứng tỏ sự khác biệt giữa hai nhóm trước tác động không

có ý nghĩa thống kê. Như vậy, hai nhóm có sự tương đồng cần thiết về mức độ biểu hiện ĐCHT, bảo đảm điều kiện để tiến hành thực nghiệm sư phạm.

2. Thực trạng động cơ học tập của hai nhóm sau thực nghiệm

Sau một tháng thực nghiệm, chúng tôi tiến hành đánh giá sự thay đổi về ĐCHT của hai nhóm. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Mức độ biểu hiện động cơ học tập của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm

TT	Mức độ biểu hiện ĐCHT	Nhóm thực nghiệm (n = 32)		Nhóm đối chứng (n = 32)	
		m _i	%	m _i	%
1	ĐCHT thấp	2	6.2	13	40.6
2	ĐCHT trung bình	18	56.3	12	37.5
3	ĐCHT cao	9	28.1	3	9.4
4	ĐCHT rất cao	3	9.4	4	12.5
	Tổng	32	100	32	100
So sánh		$\chi^2 = 9.58$			



Động cơ học tập có liên quan trực tiếp tới kết quả học tập của sinh viên

Kết quả bảng 2 cho thấy, sau thực nghiệm, mức độ biểu hiện động cơ học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng đã có sự khác biệt rõ rệt. Ở nhóm thực nghiệm, số sinh viên có ĐCHT thấp giảm còn 2 sinh viên, chiếm 6,2%; trong khi đó, ở nhóm đối chứng, số sinh viên có ĐCHT thấp tăng lên 13 sinh viên, chiếm 40,6%. Đây là dấu hiệu cho thấy nhóm sinh viên không được tác động bằng các biện pháp giáo dục phù hợp có xu hướng suy giảm động cơ học tập.

Ở các mức độ cao hơn, nhóm thực nghiệm cũng thể hiện kết quả tích cực hơn so với nhóm đối chứng. Cụ thể, tỷ lệ sinh viên có ĐCHT cao ở nhóm thực nghiệm đạt 28,1%, trong khi nhóm đối chứng chỉ đạt 9,4%. Điều này cho thấy các biện pháp tác động như trang bị tri thức về động cơ học tập, trò chuyện – tham vấn tâm lý, thảo luận nhóm và giải quyết tình huống đã góp phần điều chỉnh nhận thức, thái độ và hành vi học tập của sinh viên nhóm thực nghiệm.

Kết quả kiểm định khi bình phương cho thấy $\chi^2 = 12,41 > \chi^2$ bảng = 7,815 ở ngưỡng $p < 0,05$. Như vậy, sự khác biệt về mức độ biểu hiện động cơ học tập giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm có ý nghĩa thống kê. Kết quả này khẳng định các biện pháp tác động được lựa chọn đã có hiệu quả trong việc tích cực hóa động cơ học tập cho sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu đã đánh giá hiệu quả các biện pháp tích cực hóa động cơ học tập cho sinh viên

ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Kết quả cho thấy, trước thực nghiệm, động cơ học tập của sinh viên ở cả hai nhóm chủ yếu ở mức trung bình, tỷ lệ sinh viên có động cơ học tập cao và rất cao còn hạn chế.

Sau quá trình tác động, nhóm thực nghiệm có sự chuyển biến tích cực: tỷ lệ sinh viên có động cơ học tập thấp giảm, tỷ lệ sinh viên có động cơ học tập cao tăng. Ngược lại, nhóm đối chứng không được tác động có biểu hiện suy giảm động cơ học tập, đặc biệt là tỷ lệ sinh viên có động cơ học tập thấp tăng rõ rệt. Sự khác biệt giữa hai nhóm sau thực nghiệm có ý nghĩa thống kê, khẳng định hiệu quả của các biện pháp tác động đã lựa chọn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (n.d.). *Quy chế đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ* (ban hành kèm theo các văn bản hiện hành). Hà Nội, Việt Nam: Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Nguyễn, Thạch, & Phạm, T. Nghị. (2014). *Tâm lý học sư phạm đại học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.
3. Trần, T. Thủy. (2012). *Các phương pháp thực nghiệm trong tâm lý học giáo dục*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Giáo dục.
4. Nguyễn, Đ. Doanh. (2020). *Nghiên cứu động cơ học tập của sinh viên ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh* (Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở). Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Bắc Ninh, Việt Nam.